

**CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP TRUYỀN THÔNG MINH CHÂU**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP TRUYỀN THÔNG MINH CHÂU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH CHAU COMMUNICATIONS SOLUTIONS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: MINH CHAU MEDIA SOLUTIONS CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107971780

**3. Ngày thành lập:** 21/08/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 24, ngõ 174 phố Mai Anh Tuấn, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.38564784

Fax:

Email: tqbinh86@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế<br>- Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường | 4659     |
| 2.  | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1811     |
| 3.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp<br>- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)<br>- Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh<br>- Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép                                                                                                                                                                                                                     | 4669     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>- Bán buôn băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm thanh, hình ảnh;                     | 4649 |
| 5.  | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4742 |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4322 |
| 7.  | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4762 |
| 8.  | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5920 |
| 9.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4663 |
| 10. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4652 |
| 11. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4653 |
| 12. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4932 |
| 13. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: Tổ chức, xúc tiến và quản lý các sự kiện: triển lãm, giới thiệu, hội nghị, hội thảo, hội chợ, trưng bày thương mại, họp báo.                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8230 |
| 14. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh, thiết bị quang học và thiết bị chính xác;<br>- Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, hạt giống, phân bón, động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh;<br>- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ thờ cúng và hàng hóa phục vụ mục đích tính ngưỡng khác;<br>- Bán lẻ tranh, tượng và các tác phẩm nghệ thuật khác mang tính thương mại; | 4773 |
| 15. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết:<br>- Đại lý<br>- Môi giới (không bao gồm môi giới bất động sản; hôn nhân)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4610 |
| 16. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7320 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Sao chép bản ghi các loại<br>Chi tiết:<br>- Sao chép băng, đĩa hát, đĩa compact và băng máy từ các bản gốc;<br>- Sao chép băng, đĩa từ, băng video phim và các ấn phẩm video từ các bản gốc;<br>- Sao chép các phần mềm và dữ liệu sang đĩa, băng từ các bản gốc               | 1820 |
| 18. | Hoạt động hậu kỳ<br>Chi tiết:<br>- Mua và bán quyền phát hành phim điện ảnh hoặc phim khác;<br>- Hoạt động như biên tập, truyền phim /băng, đầu đề, phụ đề, giới thiệu phim (giới thiệu danh sách các diễn viên, đạo diễn, người quay phim ...), thuyết minh, đồ họa máy tính. | 5912 |
| 19. | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề                                                                                                                                                                                                                  | 9321 |
| 20. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                  | 8551 |
| 21. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                        | 3320 |
| 22. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí                                                                                                                                                                                                                                     | 9000 |
| 23. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>- Hệ thống âm thanh<br>- Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí<br>- Hệ thống đèn chiếu sáng                                                                                                                              | 4329 |
| 24. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                              | 4690 |
| 25. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                         | 4741 |
| 26. | Giáo dục nghề nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                           | 8532 |
| 27. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                            | 4651 |
| 28. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                              | 5820 |
| 29. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                    | 8552 |
| 30. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                          | 4321 |
| 31. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động môi giới bản quyền;                                                                                                                                                        | 7490 |
| 32. | Hoạt động chiếu phim                                                                                                                                                                                                                                                           | 5914 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 33. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)<br>- Thiết bị phát thanh, truyền hình và thông tin liên lạc chuyên môn;<br>- Thiết bị sản xuất điện ảnh;<br>- Thiết bị ánh sáng; | 7730        |
| 34. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình                                                                                                                                                                                                                                 | 5911        |
| 35. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6201        |
| 36. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động tư vấn đầu tư(không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, thuế);                                                                                                                                           | 6619        |
| 37. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ giày dép trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh             | 4771        |
| 38. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4933        |
| 39. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7310(Chính) |
| 40. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                      | 6202        |
| 41. | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình                                                                                                                                                                                                                                | 5913        |
| 42. | Hoạt động nhiếp ảnh                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7420        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN QUỐC BÌNH     | P401, Chung cư 197, ngõ 22 Tôn Thất Tùng, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 1.000.000.000         | 50,000    | B5363515                                                                                                                                          |         |
| 2   | NGUYỄN NGỌC THƯỜNG | Thôn Nam Đường Tây, Xã Nam Cao, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam                          | 1.000.000.000         | 50,000    | 151664431                                                                                                                                         |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN QUỐC BÌNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 24/12/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: B5363515

Ngày cấp: 26/05/2011

Nơi cấp: Cục Quản lý Xuất nhập cảnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P401, Chung cư 197, ngõ 22 Tôn Thất Tùng, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P401, Chung cư 197, ngõ 22 Tôn Thất Tùng, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội